

## VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC ĐẦU THẾ KỶ XXI

Phạm Minh Hạc\*

Bắt đầu một thế kỷ mới, thế kỷ của thời đại thông tin, công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng mới), tạo nên biết bao biến đổi sâu sắc, to lớn trong mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó nổi bật lên là toàn cầu hoá, hội nhập và mở cửa, thời đại của kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức đang được đánh giá có thể là cơ sở hạ tầng của xã hội học tập (xã hội trí tuệ, xã hội thông tin). Đối mặt với những biến đổi xã hội khôn lường, loài người đồng thời cũng hy vọng thế kỷ này sẽ là thế kỷ của văn hoá hoà bình, văn hoá bao dung, văn hoá hợp tác và phát triển với lòng mong muốn sẽ thực hiện được ước mơ dân chủ, tự do, công bằng hơn thế kỷ trước, vừa hết sức coi trọng sự thống nhất các giá trị nhân văn, nhân bản chung của loài người như tính người, tình người, vừa hết sức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tạo nên tính đa dạng ngày càng phong phú của văn hoá thế giới. Và ở nước ta, đường lối tổng quát là đẩy mạnh công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH), độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (CNXH).

Bước vào thế kỷ XXI cùng với vấn đề hoà bình, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn cầu hoá, bảo vệ môi trường, quy mô và chất lượng dân số, v.v... nổi lên vấn đề con người và tâm lý con người, nhân cách con người, trí tuệ con người, nguồn

lực con người. Tất cả các nước đều đặt vấn đề con người là vấn đề trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội trong các thập kỷ đầu của thế kỷ mới. Nhiều nơi nói chiến lược con người là linh hồn của chiến lược kinh tế-xã hội, nhấn mạnh vai trò của khoa học về con người-**Nghiên cứu con người**. Nghiên cứu con người là lĩnh vực khoa học liên ngành, bao gồm nhân học sinh thể, nhân học văn hoá, khảo cổ học, tâm lý học, triết học, giáo dục học, y học, dân tộc học, v.v... ở nước ta sự hợp tác liên ngành này bước đầu đã thể hiện trong các chương trình "Con người là mục tiêu là động lực phát triển kinh tế xã hội" (1991-1995), "Phát triển văn hoá, xây dựng con người toàn diện trong thời kỳ CNH, HĐH" (1996-2000) và nay đang thể hiện trong triển khai chương trình "Phát triển văn hoá và nguồn nhân lực trong thời kỳ CNH, HĐH" (2001-2005).

Nửa sau thế kỷ XX-thời kỳ phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử văn minh loài người với thành tựu nổi bật nhất là công nghệ thông tin đã mở ra một thời đại mới là thời đại thông tin bắt đầu từ máy tính điện tử (cuối những năm 40 của thế kỷ XX), rồi vi điện tử (những năm 70 của thế kỷ XX) và cuối cùng là kỹ thuật số và mạng (thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX). Nhờ vậy, thập kỷ qua trong nghiên cứu con người đã đặt ra bao nhiêu vấn đề mới mẻ, bắt đầu từ vấn đề nguồn gốc sự sống, cuộc sống bắt đầu từ các hạt coasecva ở

\* GS.VS., Viện Nghiên cứu Con người.

dưới biển hay từ các hạt bụi ở trên trời?; vấn đề nguồn gốc loài người: con người tinh khôn (homo sapiens) xuất hiện từ bao giờ? 1 triệu - 50 vạn năm hay cách đây 4-5 triệu năm tiến hoá tiệm tiến hay đột biến? Hoạt động của con người do di truyền quyết định hay do hoạt động của bản thân quyết định? Hay môi trường, hay hai yếu tố hoạt động và môi trường, hay ba yếu tố di truyền-hoạt động-môi trường?... ở đây phải nhắc tới một thành tựu được coi là một trong những khám phá vĩ đại nhất của thế kỷ XX là giải mã bản đồ bộ gien người gồm tất cả khoảng 30.000-40.000 gien. Nhờ cách mạng thông tin điện tử, công việc vĩ đại này chỉ tiến hành trong 10 năm (1990-2000). Tiếp theo đó, từ năm 2001 các nhà khoa học đã bắt tay vào một công trình đồ sộ khác-giải mã bộ protein của con người (proteomics). Rồi người rô bốt, knowbots (người máy có hiểu biết)... Dần dần đi đến hiểu bản chất sinh thể của con người là cơ sở vật chất của các hoạt động của con người, giúp ta hiểu được nhiều vấn đề, như sức khỏe, tuổi thọ, bệnh tật, khí chất... của con người. Với việc giải mã bộ gien người đang nổi lên vấn đề di truyền và tự tạo, cái sinh vật-cái xã hội, cái lịch sử - cái cá nhân... nổi lên vai trò quyết định thuộc về hoạt động, chủ thể của hoạt động - nhân cách, đang được tập trung nghiên cứu. Cách hiểu này rất gắn bó với quá trình đổi mới về nhận thức lý luận về con người, về vai trò nhân tố con người trong sự phát triển kinh tế - xã hội.

Vấn kiện do Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan dự thảo năm 2000 để chuẩn bị cho Hội nghị Thiên niên kỷ được gọi là "*Chúng ta là những con người*" (We are the People). Vấn đề con người - tồn tại người, bảo vệ các quyền con người và

phẩm giá con người cùng với vấn đề bản sắc văn hoá là hai vấn đề thế giới mà các nhà triết học đang đối mặt. Rất nhiều tham luận trong Đại hội Triết học Thế giới lần thứ XXI đã tập trung vào vấn đề con người dưới góc độ của giá trị học (axiology), coi chính cuộc sống của con người là một giá trị cơ bản nhất, thậm chí coi đây là vấn đề triết học cơ bản của thời nay [1, tr.19, 25, 67]; đặc biệt quan tâm đến các vấn đề quan hệ tính chủ thể, tính tự chủ và truyền thống văn hoá, bản sắc văn hoá, bản sắc cá thể, quan hệ giữa các chủ thể; cuộc sống cá thể trong bản thân từng cá thể, cuộc sống của từng con người thể hiện trong cộng đồng, sự thống nhất của phạm trù thời gian - quá khứ hiện tại, tương lai - trong giòng đời, nội tâm và ngoại hình, tâm lý và hành vi, tự nhiên và xã hội, thể xác và tinh thần [1, tr.19]. Vấn đề đặt ra là lại phải xem xét các chiều kích của khái niệm người: chiều kích sinh vật, chiều kích xã hội, chiều kích tinh thần (spirituel), từ đây xem xét quyền con người, lúc đầu nhấn mạnh tính chất chính trị, rồi - tính chất kinh tế, tính chất văn hoá, và ngày nay nói tới tính chất tâm lý - tinh thần, và cuối cùng - tính chất sinh vật - vật lý [2, tr.108-109]. Vấn đề tập trung thành hẳn một Tiểu ban. Trong Hội thảo quốc tế "Đối thoại của các Truyền thống Văn hoá: triển vọng toàn cầu" có tiểu ban chuyên đề "Con người và cộng đồng; quyền hạn và nhiệm vụ...". Tại tiểu ban này đã bàn về mối quan hệ giữa bản tính cá thể và bản tính xã hội trong con người, mối quan hệ giữa con người và cộng đồng. Nói đến con người - một vấn đề đại sự, cực kỳ phức tạp đi liền với lịch sử văn minh nhân loại suốt mấy chục thế kỷ qua - là nói đến mối quan hệ giữa cá thể và giống loài, giữa cá

nhân và xã hội (quốc gia, cộng đồng), giữa nhân cách, tồn tại văn hoá, chủ thể hoạt động, chủ thể lịch sử.

Con người luôn luôn tồn tại trong xã hội, trong thiên nhiên, mọi hoạt động của con người đều diễn ra trong các mối quan hệ ấy (kinh tế, chính trị, pháp luật...; gia đình, nhóm, làng bản, cộng đồng, đất nước... môi trường, người máy). Chính trong các mối quan hệ ấy bộc lộ bản chất văn hoá - lịch sử của con người. Hai "bản chất" này - bản chất sinh thể và bản chất xã hội - lịch sử của con người - quan hệ với nhau như thế nào? Quan hệ giữa các quy luật sinh vật và các quy luật xã hội - lịch sử diễn biến trong con người như thế nào? Có phải, như vừa nói, cái trước chỉ là cơ sở vật chất, và chỉ cái sau mới là bản chất thực sự của con người không? Toàn bộ việc nghiên cứu con người cho đến đầu thế kỷ này cũng vẫn còn nhằm vào trả lời câu hỏi này: **con người là gì? bản chất con người là gì?** Đây là nhiệm vụ trung tâm của nghiên cứu con người. Trên con đường đi đến bản chất con người, nâng dần phẩm chất tâm lý con người lên các tầm cao mới, tôn trọng cá tính, khẳng định vai trò cá nhân cùng với khả năng hợp tác, kỹ năng lao động đồng đội, ... ngày một nâng cao vị trí và vai trò của nhân tố con người.

Đại hội VI ĐCSVN (1986) là Đại hội mở ra thời kỳ đổi mới chuyển từ kinh tế tập trung - quan liêu - bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước, hội nhập, mở cửa: một thời kỳ phát triển hoàn toàn mới mẽ cho cả đất nước lẫn cho từng cá thể, cá nhân con người. Chính Đại hội này đã khẳng định *vai trò quyết định của "nhân tố người"* trong tiến trình phát triển xã hội. Từ đó con người được chuyển dịch

dẫn vào vị trí trung tâm của mọi quá trình phát triển. Các Đại hội sau tiếp tục khẳng định "con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội". Đây chính là quan điểm tư tưởng tiến bộ của loài người bước vào thời đại mới của nền văn minh mới lấy *phát triển con người* làm yếu tố cơ bản. Khái niệm phát triển con người là khái niệm công cụ trung tâm trong nghiên cứu con người.

Tư tưởng tổng quát của đường lối đổi mới là tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển xã hội, phát triển văn hoá, tất cả đều tập trung vào mục tiêu phát triển con người bền vững. Đảng và Nhà nước ngày càng chú ý hơn tới mục tiêu nâng dần chỉ số phát triển người (tiếng Anh viết tắt là HDI). Khái niệm phát triển con người và HDI đang trở thành một tư tưởng nhân văn quan trọng vào bậc nhất của thời đại ngày nay, hơn nữa, đang trở thành công cụ hoạch định và quản lý xã hội - kinh tế, tức là phải làm cho cả xã hội hoạt động theo hướng nâng dần chỉ số này, thực hiện mục tiêu này.

Báo cáo phát triển con người năm 2003 của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) vừa công bố nhận định, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc về giảm đói nghèo, phát triển con người và chất lượng cuộc sống trong thập kỷ vừa qua. Chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức 0,688, Việt Nam xếp hạng 109/175. Ở đây có chỉ số phát triển giáo dục, dưới chế độ thực dân phong kiến là 5%, bây giờ 96% dân cư biết chữ - đây là một trong những quyền cơ bản nhất của con người. Về chỉ số nghèo đói, tỷ lệ nghèo đã giảm mạnh, Việt Nam xếp hạng 39/94 nước. Về chỉ số phát triển giới (GDI) đạt giá trị 0,687, Việt Nam xếp 89/144 nước, là nước có chỉ số GDI tốt nhất trong khu vực

(tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội: 27,3%, cao nhất trong khu vực). Trong những năm tới Việt Nam nâng dần chỉ số HDI để sẽ đứng vào loại trung bình trên thế giới.

Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-05 (2001-2004) đang tập trung nghiên cứu sự phát triển trí tuệ của thanh niên học sinh ngày nay theo quan điểm hiện đại mà thời kỳ CNH, HĐH đất nước đang và sẽ yêu cầu: nghiên cứu cả IQ, EQ, CQ. Trong thời đại công nghệ thông tin, thời đại trí tuệ, tri thức ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, trí tuệ của con người bây giờ phải đáp ứng được yêu cầu của cả ba thời kỳ: trước hiện đại (từ Cổ đại), hiện đại (từ thế kỷ XVII, XVIII), sau hiện đại (từ cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI). Ngày nay vẫn phải giữ đặc điểm của thời trước hiện đại là thời uy quyền và truyền thống có giá trị rất cao, nhất là giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong giáo dục thế hệ trẻ. Chúng ta phải đặc biệt quan tâm đến truyền thụ các tri thức khoa học - kỹ thuật - công nghệ bắt đầu từ thế kỷ ánh sáng (thế kỷ XVIII) và *tinh thần duy lý* từ R.Descartes (1596 - 1650). Nhất là ở nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh CNH nước nhà coi khoa học công nghệ cùng với giáo dục là quốc sách hàng đầu, chúng ta cần có tư duy lý luận, thoát khỏi cái biển của tác phong nông nghiệp, làm sao đại trà có tác phong công nghiệp. Chúng ta lại cần

tiến lên HDH, tức là phải tiếp cận dần với tinh thần, đặc điểm của hậu hiện đại (cũng có người gọi là hậu công nghiệp, và gần đây có người lấy kinh tế tri thức để chỉ xã hội hậu công nghiệp, hậu hiện đại). Trong thời đại mới này, tri thức phải trở thành kinh nghiệm, trải nghiệm, tức là công cụ tâm lý ở từng người có tác dụng tích cực đối với việc định hướng, triển khai và điều chỉnh các hoạt động của con người, cộng đồng và xã hội. Trong kinh nghiệm, trải nghiệm chứa đựng cả truyền thống và thế tục, uy quyền và tự chủ cá nhân, duy lý và trực giác, hiện hữu và tiềm tàng, giá trị tinh thần và giá trị vật chất, lợi ích của cá nhân và lợi ích của cộng đồng, văn bản tin học hoá, đa dạng và bản sắc, khoan dung và bình đẳng.... Tóm lại, tri thức chuyển thành thông thái (Wisdom), như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói năm 1946: Chúng ta phải biến dân tộc ta thành một dân tộc thông thái, tức là một dân tộc có dân trí cao và thông minh trong cuộc sống, đủ sức để xây dựng cho mình cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Như vậy là, tri thức phải được đem áp dụng vào cuộc sống và áp dụng một cách sáng tạo, tất nhiên có thể sáng tạo với các mức độ khác nhau. Bước vào thế kỷ XXI, đi dần vào kinh tế tri thức, loài người đặc biệt chú ý tới vấn đề sáng tạo. Có thể nói, sáng tạo là đặc điểm nổi bật trong tư duy ở thời đại thông tin điện tử. Có người gọi thế kỷ mới là thế kỷ của ý tưởng sáng tạo (bảng 1):

**Bảng 1: Lịch sử tiến hoá xã hội - các nền kinh tế - Các loại vốn**

1. Xã hội (kinh tế) nông nghiệp	Vốn nguyên liệu (đất, mỏ)
2. Xã hội (kinh tế) công nghiệp	Vốn tài chính Vốn cơ sở kỹ thuật
3. Xã hội (kinh tế) tri thức Xã hội học tập Xã hội thông tin	Vốn ý tưởng sáng tạo Vốn tri thức Vốn người

Tóm lại, tất cả vì sự phát triển con người bền vững là tiêu điểm của Nghiên cứu con người. Đại hội VI đánh dấu một mốc son vàng trong lịch sử nước nhà, tạo nên một bước tiến quan trọng, một giai đoạn hoàn toàn mới trong quá trình quán triệt và triển khai tư tưởng "vấn đề con người là vấn đề hàng đầu" (Hồ Chí Minh). Từ đây dẫn tới luận đề "con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội", khẳng định một lần nữa vai trò quyết định của nhân tố con người trong sự tiến bộ xã hội, phù hợp với trào lưu chung của tiến hoá văn minh nhân loại. Toàn bộ sự tiến hoá này nhằm từng bước giải quyết tốt vấn đề con người xã hội, con người công dân, con người cá thể; vai trò, trách nhiệm, quyền lợi của từng cá nhân con người. Vấn đề các lợi ích được giải quyết dần dần theo hướng lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp. Quan hệ giữa lợi ích tinh thần và lợi ích vật chất, nói rộng ra sự quan tâm đối với sản xuất vật chất và cuộc sống văn hóa tinh thần đều được quan tâm thích đáng. Toàn bộ đường lối đổi mới nhằm vào mục tiêu độc lập dân tộc, phát triển đất nước, con người có cuộc sống no ấm, tự do, hạnh phúc. Trách nhiệm và tự do, nghĩa vụ và hạnh phúc, lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng (xã hội, quốc gia)... cần giải quyết không theo hướng đối lập, mà theo hướng kết hợp hài hoà, tạo nên đại đoàn kết toàn dân tộc mà ngày nay gọi là "vốn xã hội" (Robert D.Putman). Vốn xã hội, theo cách hiểu của chúng tôi, là sự chia sẻ hệ thống giá trị, thang giá trị, định hướng giá trị, thước đo giá trị giữa các thành viên nhóm, cộng đồng, xã hội, dân tộc... tạo thành một sự đồng thuận, đoàn kết, một sức mạnh của nhóm, cộng đồng, xã hội, dân tộc, nhân loại - sức mạnh của

con người được nhân lên. Vấn đề con người trở thành vấn đề nguồn nhân lực: nghiên cứu nguồn nhân lực là "đầu ra" của nghiên cứu con người.

Ở ta, Đại hội IX (2001) của đảng Cộng sản Việt Nam lấy phát triển nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là một trong ba khâu đột phá đưa đất nước vào thời kỳ CNH, HĐH, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh - xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Bước vào thế kỷ mới, nhờ cách mạng thông tin điện tử gần đây mới đếm lại được số nơ ron thần kinh trong não bộ không phải là khoảng 14 tỷ mà có thể nhiều hơn. Trước người ta tính có đến mấy tỷ, thì bây giờ có lẽ đến hàng chục tỷ nơ ron "câm" chưa trả lời các kích thích từ ngoài vào, coi đó là bộ phận dự trữ nằm ở bán cầu phải (đối với người thuận tay phải). Sáng tạo ra hệ thần kinh điện tử, người máy chơi cờ, làm thơ... Rồi ngày càng nhiều phát hiện thấy vai trò to lớn của các bộ phận dưới vỏ não, ở đây nói nhiều đến vô thức, trực giác, "tâm lý học sâu thẳm"... Đây chính là vấn đề tiềm năng con người - năng lực tiềm tàng trong cơ thể, trong não bộ, trong tinh thần, nói cụ thể hơn, đó là thể lực, trí lực, tâm lực ở dạng tiềm tàng của mỗi con người. Đây là sản phẩm tiến hoá từ thế giới sinh vật đến lịch sử văn hoá, văn minh từ bao nhiêu triệu năm để lại cho chúng ta, chứa đựng trong các "khí quan tự nhiên" và các "khí quan xã hội" mà Các Mác gọi là "lực lượng bản chất" của con người. Ngày nay hơn bao giờ hết nói nhiều đến giải phóng tiềm năng, hình thành và sử dụng năng lực con người, phát huy nội lực con người thông qua hai con đường - hai cơ chế: cơ chế di truyền

và cơ chế di sản, hoặc có người gọi là tiến hoá sinh vật và tiến hoá văn hoá. Cơ chế di sản, tiến hoá văn hoá chính là giáo dục theo nghĩa rộng. Đảng và Nhà nước ta coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đi vào thế kỷ XXI, vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH tiến hành nghiên cứu con người trên cơ sở nghiên cứu hệ thống giá trị, thang giá trị, định hướng giá trị thước đo giá trị. Nghiên cứu nhân cách và giáo dục nhân cách là nhiệm vụ quan trọng của nghiên cứu con người với **phương pháp tiếp cận hoạt động - nhân cách - giá trị** trên cơ sở duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tập trung vào giáo dục hệ thống giá trị tinh thần - "sức mạnh văn hoá tiềm ẩn" (Hồ Chí Minh; 3, tr.46) trong phát triển con người Việt Nam đi vào thế kỷ XXI.

Trong giải phóng tiềm năng rất chú ý tiềm năng đỉnh cao, rất chú ý tới chăm sóc và trọng dụng nhân tài - đầu tàu của nguồn nhân lực. "Người tài là nguyên khí quốc gia". Trong tiến trình thực hiện mục tiêu nêu ra ở đây đồng thời thực hiện công cuộc **giải phóng con người** khỏi mọi sự tha hoá, từng bước bảo đảm các **quyền của con người**: quyền sống, quyền lao động, quyền học tập, quyền hưởng hạnh phúc, tự do, v.v... Đây là sứ mệnh trọng đại nhất của nghiên cứu con người, góp phần xây dựng các quan điểm trong chiến lược con người trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nước nhà:

1. Con người và nguồn nhân lực là điều kiện quyết định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi trọng cả tài lẫn đức, lấy đức làm gốc;

2. Lấy phát triển con người bền vững làm trung tâm của mọi chiến lược phát triển;

3. Mỗi con người là một cá nhân độc

lập làm chủ quá trình lao động của mình;

4. Lấy lợi ích của người lao động trên cơ sở hiệu quả lao động làm nguyên tắc cơ bản của quản lý xã hội, đề cao tính tích cực xã hội của người lao động, bảo đảm lợi ích xã hội;

5. Bảo đảm lợi ích vật chất và nhu cầu tinh thần của cá nhân và cộng đồng;

6. Bảo đảm môi trường dân chủ thuận lợi cho lao động giao lưu đồng thuận, tạo cơ hội thăng tiến cho tất cả mọi người;

7. Có chính sách giải phóng và phát huy mọi tiềm năng của người lao động, từng bước giải phóng con người khỏi sự tha hoá.

Chiến lược con người bao hàm chiến lược nguồn nhân lực. Một trong những vấn đề nổi cộm đầu thế kỷ XXI được thế giới quan tâm là vấn đề nguồn nhân lực, đang nhìn lại lịch sử phát triển vấn đề này từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (từ cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX) và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai (từ cuối thế kỷ XIX), sôi nổi thảo luận vấn đề nguồn nhân lực trong những năm đầu thế kỷ mới mà nhiều người cho rằng đây là thời điểm có thể dẫn tới một xã hội mới với kinh tế tri thức<sup>4</sup>.

Kinh tế tri thức đã mang lại những biến động cực kỳ to lớn trong phát triển nguồn nhân lực. Phát triển nguồn nhân lực được hiểu theo nghĩa rộng là cả lực lượng lao động, tiềm năng lao động, đội ngũ lao động, đào tạo lại, đào tạo mới... và quản lý nguồn nhân lực. Nhìn lại một thế kỷ trước đại bộ phận dân chúng các nước phát triển lao động bằng tay, (ở Mỹ: chỉ có 15% lao động trong nhà máy), giữa thế kỷ (khoảng 1950) số người lao động bằng tay còn lại một nửa và cuối thế kỷ XX còn lại một nửa số này, tức là khoảng 25% tổng số lao động. Ngày nay trong

nền kinh tế tri thức, số người lao động trong nhà máy lại quay lại tỷ lệ 15% như đầu thế kỷ trước, lao động tri thức trong đó có "công nhân dịch vụ" (cụm từ này xuất hiện từ 1920) tăng lên đến khoảng 33% toàn bộ lực lượng lao động<sup>5</sup>. Xã hội mới với nền kinh tế này đang thay đổi quan niệm của nhiều khái niệm như "công cụ sản xuất", "tư hữu", "quyền lực", mang lại nhiều cơ hội mới, cũng như nhiều thách thức mới.

Ở nước ta vấn đề nguồn nhân lực cũng đang là một vấn đề trung tâm. Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định "Nguồn lực con người- yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, ... Con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ CNH, HDH..."<sup>6</sup>. Đây là một bước phát triển quan trọng trong lý luận về vấn đề con người. Nguồn lực con người là điểm cốt yếu nhất của nội lực của một nước, do đó phải bằng mọi cách phát huy yếu tố con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây là một chủ đề trung tâm của các khoa học nghiên cứu con người nói riêng, của khoa học xã hội và nhân văn nói chung. Phát triển người bền vững - sự phát triển thể lực, trí lực, tâm lực, tạo nên nguồn nhân lực - vốn người cùng với vốn nguyên liệu (bao gồm cả vốn tài chính) và vốn xã hội, hợp thành dòng chảy quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội.

Các vấn đề con người và nguồn nhân lực rất gắn quyện với nhau: hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra qua giáo dục (theo nghĩa rộng của từ này) trở lại với con người, được con người thừa kế và phát triển, trở thành sức mạnh ở mỗi con người cũng như trong từng tập thể lao động (và suy rộng ra là

của cả một dân tộc) thành vốn người, nguồn lực con người tạo ra giá trị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển của từng người, nhóm người, đội lao động, tập thể một đơn vị sản xuất, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nói chung.

Nói "con người là động lực của sự phát triển" chính là nói tới vấn đề nguồn nhân lực, mà trước hết là vấn đề đào tạo nguồn nhân lực. Ở đây phải giải quyết ba vấn đề: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Ba vấn đề này có mẫu số chung là vấn đề giáo dục nhân cách. Tất nhiên, còn cả sử dụng, quản lý nguồn nhân lực, trong đó có thể coi đội ngũ nhân tài là đầu tàu. Trong thời gian qua chúng ta đạt được một số thành tựu trong lĩnh vực này, nhưng ở đây cũng còn có nhiều vấn đề nổi cộm, bức bách đòi hỏi một sự quan tâm nhiều hơn mới thực sự đưa giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ trở thành quốc sách hàng đầu.

Đặc biệt quan tâm đến sự biến đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN kéo theo bao nhiêu đổi thay trong hệ thống giá trị, thang giá trị, thước đo giá trị và định hướng giá trị, mà KX-07 trong những năm đầu của thập kỷ 90 thế kỷ trước đã mô tả, phân tích tình hình lúc đó là "đảo lộn" hay "khủng hoảng"... Hiện nay, vào đầu thế kỷ XXI, tình hình này đang diễn biến hết sức phức tạp, ngày càng bộc lộ rõ tác động tích cực lẫn các tác động tiêu cực của quy luật giá trị kinh tế thị trường, nhằm khắc phục, hạn chế mặt trái của cơ chế thị trường, làm biến dạng môi trường văn hoá, biến dạng nhân cách con người, phát huy các tác động tích cực của cơ chế mới này, kiên trì chủ trương giáo dục phát triển toàn diện, tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH,

HĐH. Phải đặc biệt chú trọng tới công tác giáo dục đạo đức, lối sống. Trong cơ chế thị trường rất cần đến chữ "tâm", chữ "tín".

Bước vào thế kỷ XXI nguồn nhân lực nước ta đang ở nhiều cấp độ, trình độ của các nước đã phát triển cao qua các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, cách mạng công nghiệp lần thứ hai và trong thời đại công nghệ thông tin. Chúng ta phải đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp sang một nền kinh tế công nghiệp trong ngữ cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN theo đường lối hội nhập, mở cửa, tức là phải chú ý tới đội ngũ lao động đại bộ phận là lao động nông nghiệp, đội ngũ lao động phục vụ cơ khí hoá, điện khí hoá... lần tin học hoá (Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị: đào tạo 5 vạn cán bộ và công nhân kỹ thuật máy tính). Chúng ta phải chuẩn bị một nguồn nhân lực phục vụ cả 3 nền kinh tế: kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp và kinh tế tri thức.

Xem xét cụ thể, dân cư nước ta hiện nay đa số ở nông thôn, phần đáng kể tổng sản phẩm quốc nội do khu vực nông nghiệp đóng góp (trên phạm vi thế giới năm 1913 nông nghiệp đóng góp 70% vào thương mại thế giới, ngày nay, chỉ còn 17%); lao động nông nghiệp chiếm một phần lớn. Cơ cấu lao động đang chuyển dịch theo hướng tăng lao động công nghiệp, lao động dịch vụ, lao động tri thức, nhằm đáp ứng được chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (khoá IX) họp vào tháng 7-2002 đánh giá rằng bước sang thế kỷ XXI, đội ngũ lao động của nước ta đã có bước phát triển mới: "Lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên tăng 17,2% (từ 800.000 năm 1995 lên 1.300.000 năm

2000). Số lao động đã qua đào tạo đạt gần 20% năm 2000 (năm 1996 là 13%)". Tuy vậy, chúng ta không đạt chỉ tiêu từ 22-25% lao động đã qua đào tạo vào năm 2000 như Nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VIII) đã đề ra; tình hình nguồn nhân lực của nước ta đang ở trong tình trạng rất phức tạp. Theo kết quả điều tra lao động việc làm năm 2002 do Bộ Lao động - thương binh- và xã hội công bố tháng 10-2002, đến 1-7-2002 số người trong độ tuổi lao động là 60,66% (khoảng 48,5 triệu người), trong đó khoảng 40,7 triệu người từ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế thường xuyên (khu vực thành thị có khoảng 9,7 triệu người, chiếm 23,87%; khu vực nông thôn khoảng 31 triệu người, chiếm 76,13%). Số lao động không biết chữ là 8,74% và 80,31% lao động có trình độ từ tiểu học trở lên; nhưng có sự khác biệt khá lớn giữa nông thôn và thành thị: tỷ lệ lao động chưa biết chữ ở nông thôn cao gấp 6 lần thành thị, trong khi đó tỷ lệ lao động ở thành thị có trình độ từ trung học phổ thông trở lên cao gấp 8 lần ở nông thôn. Trong số lao động đã qua đào tạo (chiếm 19,62% đội ngũ lao động), cũng có sự khác biệt lớn giữa nông thôn và thành thị: ở thành thị, tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 44,60%, ở nông thôn là 11,89%. Tính đến tháng 1- 2000, trong khoảng 7,5 triệu người lao động thì đa số có trình độ chuyên môn kỹ thuật rất thấp: khoảng 4,9 triệu người có trình độ sơ cấp hoặc chúng chỉ nghề; trình độ THCS: 1,47 triệu, trình độ CĐ-ĐH: 1,3 triệu; thạc sĩ: hơn 10.000 người. Riêng tiến sĩ và tiến sĩ khoa học đến tháng 5-2002 có khoảng 13.500 người. Vào cuối năm 2002 chúng ta có 1.032 giáo sư và 4.563 phó giáo sư<sup>7</sup>.

Cơ cấu trình độ đào tạo của đội ngũ lao



động tính theo tỷ lệ giữa lao động trình độ ĐH, THCN và công nhân kỹ thuật là 1:1,75:2,3 vẫn là một cơ cấu bất hợp lý và để kéo dài, dẫn đến tình trạng thừa thầy, thiếu thợ, kỹ sư làm công việc của cán bộ trung cấp kỹ thuật. Trong cơ cấu đội ngũ lao động ở các cơ sở sản xuất của nước ta đội ngũ công nhân và lao động giản đơn chiếm hơn 80% đội ngũ lao động; đội ngũ công nhân đã qua đào tạo, nhà kỹ thuật, quản lý, phát minh và đổi mới công nghệ chỉ chiếm 18%. Trong 50 năm qua, chúng ta đã đào tạo được hơn 1 triệu cán bộ các ngành kỹ thuật có trình độ đại học với cơ cấu ngành như sau: sư phạm 33,3%; khoa học kỹ thuật: 25,5%; khoa học xã hội: 17%; y dược: 9,3%; nông nghiệp: 8,1%; khoa học tự nhiên: 6,8%. Rõ ràng cơ cấu ngành đào tạo như vậy là bất hợp lý; là một nước nông nghiệp mà chỉ có 8,1% cán bộ có trình độ đại học được đào tạo thuộc ngành nông nghiệp, chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc CNH, HĐH. Nguyên nhân của tình trạng này là do thời gian qua chúng ta đã buông lỏng quản lý cơ cấu đào tạo, để phát triển tự phát theo nhu cầu của người dân, còn nặng tâm lý khoa cử, nhẹ tâm lý thực nghiệm, chưa gắn đào tạo với sử dụng và chưa chú ý đúng mức công tác đào tạo nghề. Việc đào tạo nhân lực chưa bám sát cơ cấu lao động, vẫn còn nhận thức chưa đúng trong một bộ phận xã hội đối với sứ mệnh đào tạo nghề của giáo dục và đại học.

Chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là ở bậc đại học, nhìn chung còn thấp so với mục tiêu giáo dục, với yêu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội và với trình độ các nước trong khu vực có mặt còn kém. Nội dung, phương pháp dạy đại học chưa đáp ứng tốt yêu cầu chuẩn nhân lực cho CNH rút ngắn và trình độ chưa theo kịp phát triển khoa học công nghệ hiện đại.

Việc học tập ở mọi cấp học bị chi phối nặng nề bởi tâm lý bằng cấp; phương pháp giáo dục nặng về áp đặt, chưa khuyến khích sự năng động, sáng tạo của người học, chưa coi trọng năng lực tư duy và năng lực thực hành (trong xã hội, nhiều người cố gắng lo cho con em vào đại học chỉ cốt để kiếm tấm bằng, còn không xác định rõ ra trường với tấm bằng đó để làm gì).

Công tác bồi dưỡng và sử dụng nhân tài như là đầu tàu của đội ngũ nhân lực chưa được quan tâm đúng mức, thiếu cơ chế, chính sách để trọng dụng cán bộ khoa học và nhà giáo có trình độ cao và nhiều chính sách đối với cán bộ khoa học và công nghệ chưa được ban hành. Cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao còn ít, song chưa được sử dụng hết, đang bị lão hoá, ít có điều kiện cập nhật kiến thức mới. Sự hẫng hụt về cán bộ là nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh vực khoa học cơ bản<sup>8</sup>.

Những điều nêu trên là những bất hợp lý nổi cộm, bức xúc nhiều năm nay cần sớm giải quyết để đưa nước ta trở thành nước phát triển. Qua 15 năm đổi mới, ở nước ta đang hình thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhưng thị trường lao động chỉ mới bắt đầu hình thành; có thể đây là một trong những nguyên nhân làm cho đào tạo của nước ta chưa bám sát vào cơ cấu lao động. Chưa có một chiến lược đào tạo và quản lý nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của thị trường lao động nói riêng, của toàn bộ nền kinh tế nói chung. Chưa có cơ quan quản lý, chỉ đạo, điều hành quốc gia về phát triển nguồn nhân lực như Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ II (khóa VIII) đã ra Nghị quyết từ tháng 12 năm 1996.

Để thực hiện những mục tiêu và

nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2001-2010 mà Đại hội IX của Đảng đã đặt ra, chiến lược đào tạo nguồn nhân lực là khâu đột phá và phải đi trước một bước, tập trung vào chỉ đạo thực hiện mục tiêu nâng số lao động qua đào tạo lên 30% rồi 40%... tổng số lao động. Tất cả những việc này phải bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động đi vào CNH, HĐH.

Muốn việc đào tạo nguồn nhân lực thực sự có hiệu quả, điều quan trọng hơn là chúng ta phải có chính sách đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đúng với những tư tưởng chỉ đạo phát triển nguồn nhân lực thể hiện một quan niệm mới về phát triển nguồn nhân lực với các tư tưởng chỉ đạo sau đây:

- 1- Có chính sách giải phóng và phát huy tiềm năng của người lao động;
- 2- Lấy kết quả và hiệu quả của công việc là thước đo đánh giá quan trọng nhất;
- 3- Phát triển nguồn nhân lực bám sát thị trường lao động;
- 4- Quản lý tốt phát triển nguồn nhân lực: có hệ thống chính sách đào tạo, sử dụng phù hợp nguồn nhân lực bao gồm tuyển dụng, chính sách lao động, phân công lao động, phân bổ nguồn nhân lực, chính sách cán bộ, tiền lương, khen thưởng, v.v...;
- 5- Tạo động lực để kích thích mọi người chăm học, chăm làm, động viên tính tích cực xã hội của người lao động làm cho họ năng động, thiện chí, cầu tiến, từ đó đi đến sáng tạo... là một vấn đề cực kỳ quan trọng trong tổ chức quản lý vĩ mô, cũng như vi mô nguồn lực con người, lực lượng lao động. Ở đây, cần chú ý cả lợi ích vật chất, cả nhu cầu tinh thần của con người;

6- Đặc biệt chú ý tới xây dựng và thực thi chính sách trọng dụng nhân tài.

Chăm lo, phát huy, bồi dưỡng nguồn lực con người là bộ phận quan trọng nhất trong chiến lược con người, là nhiệm vụ trung tâm của sự nghiệp giáo dục nước ta trong những năm tới, nhằm tạo ra những điều kiện cơ bản để tiến hành CNH, HĐH, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người, mọi nhà ấm no, hạnh phúc, có thể hội nhập vào xã hội tương lai mà loài người đang nhằm tới. Trong công việc trọng đại này, chăm lo, phát huy, bồi dưỡng nhân tài có một ý nghĩa đặc biệt, nhất là trong thời đại thông tin, công nghệ cao, kinh tế tri thức và toàn cầu hoá.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Kỷ yếu tóm tắt tham luận, Đại hội Triết học Thế giới lần thứ XXI, Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, tháng 8-2003, (tiếng Anh).
2. Kỷ yếu Hội nghị quốc tế "Đổi thoại của các truyền thống văn hoá: triển vọng toàn cầu" do Hội đồng nghiên cứu giá trị và triết học tổ chức, Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, tháng 8-2003, (tiếng Anh).
3. Đại tướng Võ Nguyên Giáp. "Đường tới Điện Biên Phủ". Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
4. Peter Drucker, Con đường phía trước. Tạp chí Nhà kinh tế số 3, 11-2001 (Mỹ), Hạnh Tâm dịch sang tiếng Việt.
5. Peter Drucker. Lực lượng lao động mới. Tạp chí và người dịch tài liệu tham khảo (4).
6. Văn kiện Đại hội IX ĐCS Việt Nam. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.112.
7. Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước. Văn bản pháp quy... 1-2003, tr.81.
8. Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 BCH TW khoá IX. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, các trang 75, 29, 85, 128, 129, 45, 46.